Harry nhìn Hagen một hồi. Sau đó anh rút từ túi áo trong ra một chiếc phong bì quăn góc và đưa cho Hagen.

“Thứ này được gửi đến hòm thư của tôi sau khi tôi xuất hiện trong chương trình truyền hình hồi đầu tháng Chín. Trước giờ tôi cứ tưởng nó là tác phẩm của một thằng điên.”

Hagen lấy lá thư ra, và sau khi đọc hết sáu câu trong đó, ông ta lắc đầu với Harry. “Người tuyết ư? Còn Murri là cái gì?”

“Vấn đề nằm ở chỗ đó,” Harry nói. “Tôi e rằng đây chính là nó.”

Vị POB ngơ ngác nhìn anh.

“Tôi cũng hy vọng là mình nhầm,” Harry nói, “nhưng có lẽ sắp tới chúng ta sẽ phải đương đầu với những ngày tháng cực kỳ đen tối đấy.”

Hagen thở dài. “Cậu muốn gì hả Harry?”

“Tôi muốn lập một tổ điều tra.”

Hagen nhìn Harry dò xét. Cũng như hầu hết các sĩ quan trong Sở Cảnh sát, ông ta cho rằng Harry là một kẻ nghiện rượu ương ngạnh, ngạo mạn, hay cãi và tính tình bất ổn. Nhưng dù sao đi nữa, Hagen cũng lấy làm mừng vì hai người đang ở cùng một chiến tuyến và ông ta không muốn gã này quay lại đối đầu với mình.

“Bao nhiêu người?” cuối cùng ông ta hỏi. “Và trong bao lâu?”

“Mười thanh tra. Hai tháng.”

“Hai tuần?” Magnus Skarre hỏi. “Và bốn người? Đấy mà là điều tra án mạng à?”

Anh ta bất bình đưa mắt nhìn ba người còn lại đang chen chúc trong văn phòng Harry: Katrine Bratt, Harry Hole và Bjørn Holm thuộc Krimteknisk, tức Phòng Giám định Pháp y.

“Hagen chỉ cho tôi có thế,” Harry nói, ngả người trên ghế. “Và đây không phải cuộc điều tra án mạng. Tạm thời thì chưa.”

“Thế thì là cái gì?” Katrine Bratt hỏi. “Tạm thời ấy?”

“Vụ tìm người mất tích,” Harry đáp. “Nhưng là vụ có điểm tương đồng nhất định với một số vụ khác xảy ra gần đây.”

“Các bà nội trợ tự nhiên đùng đùng bỏ đi vào một ngày cuối thu hả?” Bjørn Holm hỏi, cách nói vẫn còn tàn dư của vùng quê Toten anh ta đem theo khi rời làng Skreia cùng với đống tài sản gồm bộ sưu tập đĩa LP của Elvis, nhạc đồng quê chính hiệu, the Sex Pistols, Jason & the Scorchers, ba bộ vét khâu tay mua ở Nashville, một cuốn Kinh Thánh Mỹ, một chiếc sofa giường hơi nhỏ quá và bộ bàn ghế ăn được truyền lại qua ba đời nhà Holm. Tất cả được chất lên toa moóc và kéo về thủ đô bằng chiếc Amazon cuối cùng được xuất xưởng nám 1970 của hãng Volvo. Bjørn Holm mua chiếc Amazon với giá một ngàn hai trăm krone, nhưng ngay cả hồi ấy cũng chẳng ai biết được nó đã chạy bao nhiêu dặm đường, vì công tơ mét chỉ hiển thị tối đa một trăm ngàn. Tuy thế, chiếc xe là đại diện cho cá tính và đức tin của Bjørn Holm; nó có mùi tuyệt diệu hơn hết thảy mọi thứ, hòa quyện giữa mùi giả da, kim loại, dầu máy, táp lô phía sau bạc phếch, mùi của nhà máy Volvo và ghế ngồi thâm đẫm mồ hôi khí chất, như Bjørn Holm giải thích thì đây không phải mồ hôi thông thường mà là lớp vỏ ghế đặc biệt được tạo nên từ tâm hồn, nghiệp báo, thói quen ăn uống và phong cách sống của những người từng sở hữu chiếc xe. Đôi xúc xắc nhồi bông treo ở gương chiếu hậu chính là xúc xắc Fuzzy Dice nguyên bản, minh chứng cho sự kết hợp tuyệt hảo giữa tình cảm yêu mến chân thành và khoảng cách vời vợi đối với nền văn hóa cũng như cái đẹp của xứ sở cờ hoa xưa, hoàn toàn phù hợp với cậu bé con nhà nông ở Na Uy lớn lên giữa một bên là Jim Reeves và bên kia là the Ramones, nhưng mê tít cả hai. Người đó giờ đang ngồi trong phòng làm việc của Harry, chiếc mũ Rasta trên đầu mang lại cho anh ta diện mạo của một cảnh sát ngầm thuộc Đội Phòng chống Ma túy hơn là sĩ quan giám định pháp y. Hai dải tóc mai dày đỏ rực như màu sơn xe cứu hỏa thò ra bên dưới chiếc mũ, ôm lấy gương mặt tròn trĩnh, phúng phình của Bjørn Holm, cặp mắt hơi trố khiến anh ta trông có phần ngơ ngác, hao hao giống cá. Anh ta là người duy nhất Harry một mực yêu cầu phải có trong tổ điều tra nho nhỏ của mình.

“Còn một điều nữa,” Harry nói, thò tay vào giữa mấy chồng giấy đặt trên bàn làm việc để bật cái máy chiếu treo phía trên cao. Magnus Skarre chửi thề và lấy tay che mắt khi những dòng chữ mờ đột nhiên hiện ra trên mặt mình. Skarre dịch sang chỗ khác, giọng nói của Harry vang lên từ phía sau máy chiếu.

“Lá thư này xuất hiện trong hòm thư của tôi cách đây đúng hai tháng. Không ghi địa chỉ người gửi, có dấu bưu điện Oslo. In bằng máy in phun thông thường.”

Harry chưa kịp nhờ thì Katrine Bratt đã nhấn công tắc đèn ở cạnh cửa ra vào, khiến cả phòng chìm trong bóng tối. Một ô sáng hiện lên trên bức tường sơn trắng.

Bốn người lặng lẽ đọc.

Không lâu nữa tuyết đầu mùa sẽ đến. Và lúc ấy hắn sẽ tại hiện ra. Người tuyết. Khi tuyết tan là lúc hắn bắt đi một kẻ khác. Hãy tự hỏi bản thân điều này: “Ai đã tạo ra người tuyết? Ai đang đắp nên những người tuyết? Ai đã sinh ra Murri?” Bởi điều ấy người tuyết nào có hay.

“Đầy thi vị,” Bjørn Holm lẩm bẩm.

“Murri là cái gì?” Skarre hỏi.

Tiếng vù vù của chiếc quạt bên trong máy chiếu vang lên đều đều thay cho lời đáp.

“Câu hỏi thú vị nhất phải là, người tuyết là ai,” Katrine Bratt nói.

“Dĩ nhiên là một thằng ấm đầu,” Bjørn Holm đáp.

Tiếng cười đơn độc của Skarre nhanh chóng bị cắt ngang.

“Murri là biệt danh của một kẻ giờ đã chết,” giọng nói của Harry cất lên từ trong bóng tối. “Người Murri vốn là một bộ tộc thổ dân ở Queensland, Australia. Gã Murri này khi còn sống đã sát hại nhiều phụ nữ trên khắp Australia. Không ai biết chính xác số người chết là bao nhiêu. Tên thật của hắn là Robin Toowoomba.”

Quạt vẫn quay o o.

“Tên sát nhân hàng loạt,” Bjørn Holm nói. “Kẻ đã bị anh bắn hạ.”

Harry gật đầu.

“Nói vậy nghĩa là anh cho rằng chúng ta đang phải đương đầu với một kẻ như vậy?”

“Lá thư này cho thấy ta không thể loại trừ khả năng đó.”

“Ối chà. Tấp vào lề cái đã, ông anh!” Skarre giơ hai tay lên. “Từ sau khi thành người nổi tiếng nhờ phi vụ xứ chuột túi, đã bao nhiêu lần anh hô hào có biến rồi hả Harry?”

“Ba lần,” Harry đáp, “ít nhất cũng chừng ấy.”

“Thế mà ở Na Uy đã xuất hiện tên giết người hàng loạt nào đâu.” Skarre liếc nhìn Bratt như để chắc chắn cô vẫn chú ý. “Có phải vì anh tham gia khóa học của FBI về sát nhân hàng loạt không? Vì thế mà nhìn đâu anh cũng thấy chúng à?”

“Có thể,” Harry đáp.

“Xin nhắc để anh nhớ, ngoài vụ gã y tá tiêm thuốc cho vài ông già bà cả đằng nào cũng sắp về chầu trời, thì ở Na Uy này chưa bao giờ xuất hiện sát nhân hàng loạt. Chưa bao giờ. Những kẻ đó chỉ có ở Mỹ thôi, mà ngay cả thế đi nữa cũng toàn ở trên phim là chính.”

“Nhầm rồi,” Katrine Bratt nói.

Mọi người quay sang nhìn cô. Cô cố ghìm một cái ngáp dài.

“Thụy Điển, Pháp, Bỉ, Anh, Italy, Hà Lan, Đan Mạch, Nga, Phần Lan. Mà đó mới chỉ là những vụ đã được phá. Còn chưa tính những số liệu thống kê ẩn đâu đây.”

Harry không nhìn thấy khuôn mặt đỏ lựng của Skarre trong bóng tối mà chỉ thấy bóng dáng cái cằm vênh lên, hướng về phía Bratt đầy thách thức.

“Đã tìm được cái xác nào đâu, và tôi có thể cho cô xem cả ngăn kéo đầy chóc những lá thư kiểu đó. Của những kẻ còn khùng hơn cả gã… gã… Người Tuyết này.”

“Sự khác nhau nằm ở chỗ,” Harry nói, đứng dậy và ung dung bước đến bên cửa sổ, “gã khùng này đã điều tra rất kỹ. Cái tên Murri không hề xuất hiện trên mặt báo vào thời điểm ấy. Murri là biệt danh Robin Toowoomba từng dùng khi còn là võ sĩ quyền Anh của gánh xiếc rong.”

Những tia sáng cuối ngày le lói qua kẽ mây. Harry nhìn đồng hồ. Oleg nhất định đòi đến sớm để có thể xem cả ban nhạc Slayer nữa.

“Vậy mình bắt đầu từ đâu?” Bjørn Holm lẩm bẩm.

“Hở?” Skarre nói.

“Vậy thì mình phải bắt đầu điều tra từ đâu?” Holm nhắc lại, nhấn từng chữ một cách cường điệu.

Harry quay lại bàn làm việc.

“Holm kiểm tra lại căn nhà và sân vườn của gia đình Becker, tạm coi như là hiện trường vụ án đi. Chú ý khám nghiệm kỹ cái điện thoại và chiếc khăn quàng. Skarre, cậu lọc ra một danh sách những kẻ có tiền án giết người, cưỡng hiếp, bị tình nghi trong…”

“… các vụ tương tự và những tên cặn bã khác vẫn còn nhởn nhơ ngoài kia,” Skarre tiếp lời.

“Bratt, cô đọc qua báo cáo của các vụ mất tích xem có phát hiện ra được mô thức nào không.”

Harry chờ đợi câu hỏi tất yếu: Mô thức kiểu gì? Nhưng Katrine Bratt không nói mà chỉ gật nhanh một cái.

“Được rồi,” Harry nói. “Mọi người vào việc đi.”

“Vậy còn anh?” Bratt hỏi.

“Tôi đi xem ca nhạc,” Harry đáp.

Khi những người khác đã rời đi, anh cúi nhìn cuốn sổ của mình. Trên đó anh chỉ ghi đúng ba từ: Số liệu ẩn.

Sylvia bỏ chạy thục mạng. Cô nhằm về hướng cây cối mọc dày nhất mà chạy trong bóng tối đang dần phủ khắp không gian. Cô chạy để bảo toàn mạng sống của chính mình.

Đôi bốt ban nãy cô chưa kịp buộc dây giờ đã ngập đầy tuyết. Cô cầm chiếc rìu nhỏ giơ ra phía trước trong lúc lao qua tầng tầng lớp lớp những cành cây la đà trụi lá. Lưỡi rìu nhuốm máu đỏ tươi bóng loáng.

Cô biết tuyết rơi ngày hôm qua giờ đã tan hết trong thành phố, nhưng dù Sollihøgda nằm cách đó chỉ chừng nửa giờ chạy xe, ở đây tuyết vẫn có thể bao phủ đến tận khi xuân về. Giờ đây, cô ước gì gia đình mình chưa từng chuyển đến nơi khỉ ho cò gáy, chốn hoang vu nằm bên rìa thành phố này. Ước gì cô đang chạy trên mặt đường nhựa đen, tại một thành phố với những thanh âm ồn ào át đi tiếng động phát sinh trong lúc trốn chạy và cô có thể ẩn mình an toàn trong đám đông. Nhưng ở đây, Sylvia hoàn toàn đơn độc.

Không.

Không hoàn toàn như vậy.

## Ngày thứ ba

### CỔ THIÊN NGA

Sylvia chạy vào trong khu rừng. Đêm đang dần buông. Mọi khi cô rất ghét những ngày tháng Mười một chớp mắt đã tối, nhưng hôm nay cô chỉ mong đêm đến thật sớm. Cô kiếm tìm bóng tối thẳm sâu trong rừng, bóng tối có thể xóa dấu chân cô trên tuyết và giúp cô ẩn thân. Đường đi lối lại quanh đây cô đều nắm rõ; cô có thể xác định vị trí của mình để khỏi đi nhầm đường về trang trại hoặc sa vào… vào tay nó. Có điều, tuyết rơi đã khiến cảnh vật thay đổi chỉ trong một đêm, tuyết phủ trắng lối mòn và những tảng đá thân quen, san phẳng địa mạo. Khi trời chạng vạng… mọi thứ xung quanh biến đổi và trở nên méo mó bởi bóng tối. Và cũng bởi nỗi khiếp sợ của chính cô.

Cô dừng lại lắng nghe. Tiếng thở hổn hển, dồn dập phá tan không gian tĩnh mịch, nghe như tiếng xé tờ giấy nến gói đồ ăn trưa của hai con cô vậy. Cô cố gắng kiểm soát nhịp thở. Âm thanh duy nhất cô nghe được là tiếng mạch đập thình thịch và tiếng suối chảy róc rách. Dòng suối! Gia đình cô thường men theo đó mỗi lần hái quả mọng, đặt bẫy hoặc tìm kiếm lũ gà, dù trong thâm tâm họ đều biết chúng đã thành bữa ăn cho cáo mất rồi. Dòng suối dẫn đến một con đường rải sỏi, ở đó, sớm muộn gì cũng có xe chạy qua.

Cô không nghe thấy tiếng chân nữa. Không có cả tiếng cành cây gãy, tiếng tuyết lạo xạo. Cô đã thoát được rồi chăng? Cô cúi người và vội vã chạy về hướng có tiếng nước chảy.

Dòng suối trông như đang chảy qua tấm ga trải giường trắng tinh phủ lên chỗ trũng trên nền đất rừng.

Sylvia lập tức lao xuống. Nước ngập đến mắt cá chân, chẳng mấy chốc đã thấm vào đôi bốt của cô. Dòng nước lạnh căm khiến cơ chân cô tê cứng. Rồi cô lại tiếp tục chạy. Xuôi theo dòng nước chảy. Tiếng lội nước bì bõm vang lên rõ to khi cô nhấc chân để sải những bước dài, đi xa hơn. Không để lại dấu vết, cô đắc thắng nghĩ thầm. Và mạch trong người cô dần chậm lại, dẫu lúc này cô đang ra sức chạy.

Thành quả đó có được hẳn là nhờ quá trình luyện tập trên máy đi bộ ở trung tâm thể dục thẩm mỹ hồi năm ngoái. Cô đã giảm sáu cân và có thể tự tin tuyên bố vóc dáng của mình ăn đứt nhiều phụ nữ ba mươi lăm tuổi khác. Ít ra thì đó là lời của Yngve, người đàn ông cô gặp lần đầu trong buổi hội thảo gọi là để truyền cảm hứng vào năm ngoái. Lúc đó cảm hứng của cô quả thực đã đi quá giới hạn. Trời ơi, ước gì cô có thể quay ngược thời gian. Trở lại thời điểm mười năm trước. Có biết bao điều cô sẽ làm khác đi! Cô sẽ chẳng đời nào kết hôn với Rolf. Và cô sẽ thay đổi quyết định phá thai. Dĩ nhiên đó là điều không thể khi giờ đây cô đã có hai cô con gái sinh đôi. Nhưng trước khi có con, trước khi cô sinh Emma và Olga, tất cả đều có thể, và lúc này đây cô đã chẳng vùi dập bản thân trong chốn ngục tù cô tự dựng lên quanh mình một cách tỉ mỉ đến thế.

Cô gạt đi những cành cây sà xuống phía trên dòng suối, qua khóe mắt cô bỗng thấy có gì đấy, một con vật, giật mình theo phản xạ rồi mất hút trong khung cảnh tranh tối tranh sáng của khu rừng.

Cô chợt nghĩ rằng có vung tay cũng phải cẩn thận kẻo lại đập rìu vào chân. Mới mấy phút trôi qua thôi mà cảm giác cứ như thể đã lâu lắm rồi kể từ lúc cô ở trong nhà kho làm thịt gà đến giờ. Cô đã chặt được hai cái đầu và đang chuẩn bị xử con thứ ba thì cửa nhà kho đột nhiên kẽo kẹt vang lên sau lưng. Cô lo sợ cũng phải thôi, chỉ có mỗi mình cô và cô không nghe thấy tiếng chân hay tiếng xe trong sân. Thứ đầu tiên cô trông thấy là một dụng cụ lạ lùng, một vòng thòng lọng bằng kim loại mảnh gắn vào tay cầm. Trông nó giống như bẫy thòng lọng bắt cáo vậy. Và khi người cầm dụng cụ lên tiếng, cô dần hiểu ra mình chính là con mồi, cô sẽ là người sắp mất mạng.

Cô được cho biết nguyên do.

Cô lắng nghe lập luận bệnh hoạn nhưng dễ hiểu, trong lúc đó máu trong người cô chảy chậm dần như thể đã bắt đầu đông lại. Tiếp theo là đến cách thức. Thật chi tiết. Vòng dây bắt đầu sáng lên, trước là màu đỏ, sau chuyển sang trắng. Đúng lúc ấy tay cô vung lên trong hãi hùng, cô cảm nhận được lưỡi rìu mới mài xé rách lớp áo bên dưới cánh tay đang giơ cao, nhìn thấy áo khoác và áo len toạc ra như phéc mơ tuya vừa bị mở, lưỡi rìu thép rạch một đường đỏ tươi trên làn da trần. Khi kẻ đó loạng choạng lùi lại và ngã bổ chửng trên sàn gỗ trơn nhẫy máu gà, cô lao ra cửa sau nhà kho. Cánh cửa dẫn vào rừng. Vào trong bóng tối.

Cảm giác tê bại dần lan tới đầu gối, quần áo ướt sũng đến tận rốn. Nhưng cô biết chẳng mấy chốc mình sẽ tới được con đường rải sỏi. Từ đó chạy tiếp đến trang trại gần nhất thì chỉ mất mười lăm phút là cùng. Dòng suối đột ngột đổi hướng. Bỗng cô vấp phải thứ gì đó gồ lên dưới đáy nước. Một tiếng rắc vang lên, cảm giác như ai đó vừa tóm lấy bàn chân cô, ngay sau đó Sylvia Ottersen đổ nhào. Cô ngã sấp mặt, nuốt phải nước suối có vị đất bẩn và lá mục, rồi cô chống tay quỳ dậy. Khi biết nơi đây vẫn chỉ có mình cô, và khi nỗi kinh hoảng đầu tiên qua đi, cô mới nhận ra chân mình mắc kẹt. Cô lùa tay xuống nước lần mò, chắc mẩm sẽ thấy đám rễ cây quấn quanh chân, nhưng ngón tay cô lại chạm phải thứ gì đó trơn nhẵn, rắn chắc. Là kim loại. Một cái vòng bằng kim loại. Sylvia đưa mắt nhìn quanh để xem mình vừa đá phải vật gì. Và kia, trên bờ suối phủ tuyết, cô trông thấy nó. Nó có mắt, có lông và cái mào màu đỏ nhạt. Cảm giác hãi hùng lại trỗi dậy. Đó là một cái đầu gà bị chặt đứt. Không phải một trong hai con gà cô mới thịt, mà cái đầu này do Rolf đặt. Làm mồi nhử. Năm ngoái, sau khi viết đơn trình báo chính quyền địa phương về việc mười sáu con gà bị cáo ăn mất, gia đình cô được họ cho phép đặt một số lượng bẫy nhất định - loại bẫy có tên là cổ thiên nga - trong vòng bán kính giới hạn quanh trang trại, cách xa đường mòn. Vị trí đặt bẫy lý tưởng nhất là dưới nước cho mồi nhô lên trên. Khi cáo cắn mồi, bẫy sẽ sập xuống, bẻ gãy cổ con vật khiến nó chết ngay tức khắc. Ít nhất về lý thuyết là như vậy. Cô dùng tay mò mẫm. Khi họ mua bẫy ở trung tâm Jaktdepotet tại Drammen, người bán có nói lò xo khỏe đến nỗi hai hàm răng lược thừa sức bẻ gãy cẳng chân người trưởng thành, nhưng bàn chân tê cóng của cô không hề có cảm giác đau đớn. Ngón tay cô chạm tới sợi dây thép mảnh gắn vào cổ thiên nga. Không có đòn bẩy thì cô chẳng thể mở bẫy ra được, mà đòn bẩy lại nằm trong kho dụng cụ ở trang trại, và thông thường họ sẽ dùng dây thép buộc chặt cổ thiên nga vào thân cây để cáo hoặc con thú nào đó chưa chết hẳn không thể lôi theo công cụ đắt tiền ấy chạy mất. Cô lần theo sợi dây thép dưới nước và lên tận bờ suối. Trên đó có một tấm biển kim loại đề tên chủ bẫy theo quy định.

Cô đờ người. Có phải cô vừa nghe thấy tiếng cành cây gãy phía đằng xa? Tim Sylvia lại đập như trống dồn trong lúc cô căng mắt nhìn khắp bốn bề mù tối.

Những ngón tay tê bại lần theo sợi dây thép ẩn trong tuyết khi cô bò lên bờ suối. Sợi dây quấn quanh một cây bạch dương non vững chãi. Cô tìm thấy nút thắt nằm dưới tuyết. Cái nút đã cứng lại thành một khối rắn chắc. Bằng mọi giá cô phải tháo ra, phải thoát thân cho kỳ được.

Lại một tiếng gãy rắc. Tiếng vang lên gần hơn.

Cô dựa người vào thân cây, ngược với hướng vừa phát ra tiếng động. Tự nhủ bản thân đừng hoảng hốt, nút thắt rồi sẽ bung ra sau một hồi kéo giật, và chân cô vẫn lành lặn, tiếng động đang mỗi lúc một gần kia chỉ là do con hươu nào đó gây ra thôi. Cô cố kéo một đầu dây buộc, cái móng tay gãy cũng không khiến cô thấy đau. Nhưng vô ích. Cô cúi xuống, hai hàm răng cắn vào dây thép đánh rắc. Quỷ tha ma bắt! Có tiếng chân nhẹ nhàng rảo bước trên tuyết và nín thở. Tiếng chân dừng lại đâu đó phía bên kia cái cây. Có thể cô đang thần hồn nát thần tính, nhưng hình như cô nghe thấy nó hít hà đánh hơi. Cô ngồi không dám nhúc nhích. Rồi nó lại di chuyển. Âm thanh lần này khẽ khàng hơn. Nó đi xa dần.

Cô run rẩy hít một hơi dài. Giờ cô phải tìm cách giải thoát cho chính mình. Quần áo của cô ướt sũng, chắc chắn đêm nay cô sẽ chết cóng ngoài này nếu không ai tìm thấy cô. Đột nhiên cô sực nhớ ra. Chiếc rìu! Cô quên mất còn có chiếc rìu. Sợi dây kim loại mảnh thôi. Đặt nó lên một tảng đá rồi bổ vài nhát thật chuẩn là cô sẽ được tự do. Chiếc rìu chắc là rơi xuống suối rồi. Cô lại bò xuống dòng nước tối đen, lùa tay tìm kiếm dưới đáy gồ ghề đá sỏi.

Không thấy gì cả.

Cô tuyệt vọng quỳ sụp xuống, đưa mắt nhìn tuyết hai bên bờ suối. Thế rồi cô nhác thấy lưỡi rìu nhô lên khỏi mặt nước cách cô hai mét. Nhưng cô đã nhận ra trước cả khi cảm thấy sợi dây kéo giật lại, trước khi cô nằm bẹp xuống dòng suối với những mảng tuyết đang tan róc rách trôi phía trên, lạnh đến nỗi cô cứ ngỡ tim mình ngừng đập, vươn người về phía chiếc rìu như kẻ hành khất trong con cùng quẫn, cô đã biết trước mình vẫn còn cách nó những nửa mét. Bàn tay cô siết lại trong không trung, cách cán rìu năm mươi xentimet. Nước mắt cô ứa ra nhưng cô cố ghìm lại, sau này khóc cũng chưa muộn.

“Cô đang tìm thứ này phải không?”

Nãy giờ cô không hề nhìn thấy hay nghe thấy gì cả. Thế nhưng trước mặt cô là một hình bóng đang ngồi chồm hỗm. Là nó. Sylvia luống cuống lùi lại phía sau, nhưng hình bóng đó đi theo hướng về phía cô, cùng với cái rìu.

“Cầm lấy đi.”

Sylvia quỳ dậy và đón lấy chiếc rìu.

“Cô định dùng nó để làm gì?” giọng nói đó hỏi.

Sylvia cảm thấy cơn giận bùng lên trong cô, cơn giận luôn song hành cùng nỗi sợ, và sự kết hợp ấy mang lại một sức mạnh thật khủng khiếp. Cô lao tới trước, rìu giơ lên cao và thẳng tay chém xuống. Nhưng sợi dây kéo giật cô lại; chiếc rìu chỉ rạch vào bóng tối, và tích tắc sau cô lại đầm mình xuống nước.

Bóng người bật cười khùng khục.

Sylvia ngã nghiêng. “Cút đi,” cô rên lên, nhổ cát sỏi trong miệng ra.

“Tôi muốn cô ăn tuyết,” kẻ đó nói, đứng dậy và khép tạm phần áo khoác bị xé rách.

“Cái gì?” Sylvia không kìm được bật kêu lên.

“Tôi muốn cô ăn tuyết cho tới khi tè ra quần.” Bóng người đứng ngoài phạm vi với tới của sợi dây thép, nghiêng đầu nhìn Sylvia. “Tới khi dạ dày cô đông cứng và căng đầy đến nỗi tuyết bên trong không tan ra được nữa. Tới khi trong bụng cô chỉ toàn băng đá. Tới khi cô trở về với đúng bản chất của mình. Một thứ hoàn toàn vô cảm.”

Sylvia nghe rõ những lời nói, nhưng không sao hiểu được ý nghĩa. “Đừng hòng!” cô thét lên.

Một tiếng động vang lên từ phía kẻ đó và hòa với tiếng róc rách của dòng chảy. “Đến lúc la hét rồi đây, Sylvia thân mến. Vì sau này sẽ chẳng còn ai nghe được giọng cô nữa đâu. Không bao giờ.”

Sylvia trông thấy nó giơ một vật lên. Thứ đó bỗng phát sáng. Một vòng dây hình giọt nước đỏ rực trong bóng tối. Nó phát ra tiếng xèo xèo và bốc khói khi chạm vào mặt nước. “Rồi cô sẽ chọn ăn tuyết thôi. Tin tôi đi.”

Sylvia đờ người hiểu chắc chắn rằng giờ chết của cô đã điểm. Chỉ còn một cơ hội nữa thôi. Trong vài phút vừa qua màn đêm đã ập tới rất nhanh, nhưng cô cố hướng sự tập trung vào hình bóng đang đứng giữa những hàng cây trong lúc thử tính toán với chiếc rìu trên tay. Dòng máu chảy ngược khiến ngón tay cô râm ran, dường như nó cũng biết đây là cơ hội cuối cùng. Nhà cô đã tập trò này nhiều lần, cô và hai đứa sinh đôi. Với bức tường nhà kho. Mỗi lần cô phóng rìu và một trong hai đứa trẻ chạy tới rút chiếc rìu ra khỏi tấm bia hình con cáo, chúng hân hoan reo lên: “Mẹ giết được quái vật rồi! Quái vật chết rồi!” Sylvia đặt một chân lên phía trước đôi chút. Bước đà là điều kiện hoàn hảo để kết hợp sức mạnh và sự chuẩn xác.

“Ngươi điên rồi,” cô thì thầm.

“Điều đó…” bóng người lên tiếng, và Sylvia dường như cảm nhận được trong đó ẩn chứa một nụ cười nhạt, “chắc không có gì phải nghi ngờ.”

Với một tiếng vụt khẽ, chiếc rìu bay đi trong màn đêm đen đặc gần như sờ thấy được. Sylvia đứng đó trong tư thế cân bằng tuyệt đối, cánh tay phải chĩa về phía trước, dõi theo thứ vũ khí chết người. Nhìn nó bay vèo qua rặng cây. Nghe tiếng một cành cây gầy guộc bị chặt gãy. Thấy nó mất hút trong bóng tối và nghe tiếng thịch trầm đục khi chiếc rìu cắm phập xuống tuyết đâu đó sâu trong rừng.

Cô lại dựa người vào thân cây và từ từ sụm xuống. Những giọt lệ lại đong đầy trong mắt, nhưng lần này cô không buồn kìm giữ. Bởi giờ đây cô nhận ra. Sau đó sẽ chẳng còn gì nữa.

“Ta bắt đầu nhé?” giọng nói đó nhẹ nhàng cất lên.

## Ngày thứ ba

### VỰC THẲM

“Quá tuyệt phải không chú?”

Giọng nói đầy hào hứng của Oleg át đi tiếng mỡ xèo xèo trong cửa hàng kebab đông nghịt khách khứa sau buổi trình diễn âm nhạc tại cung thể thao Oslo Spektrum. Harry gật đầu với Oleg, đang đứng đó trong chiếc áo nỉ có mũ, vẫn nhễ nhại mồ hôi, vẫn nhún nhảy theo nhịp beat và luôn miệng nhắc đến tên các thành viên trong ban nhạc Slipknot, những cái tên mà ngay cả Harry cũng chẳng biết vì những CD của Slipknot rất ít đề cập đến thông tin cá nhân, còn những tạp chí âm nhạc như MOJO và Uncut thì lại chẳng viết về mấy ban nhạc kiểu đó. Harry gọi hamburger và xem đồng hồ. Rakel nói cô sẽ đứng chờ ở ngoài lúc mười giờ. Harry đưa mắt nhìn Oleg một lần nữa. Nó vẫn nói không ngừng nghỉ. Chuyện này xảy ra từ lúc nào vậy nhỉ? Từ khi nào thằng bé mới mười một tuổi lại đi thích thể loại nhạc nói về cái chết ở mọi cấp độ, sự kỳ thị, cảm giác tê liệt và tận thế nói chung? Đáng lẽ Harry nên lo lắng mới phải, nhưng không. Đó là điểm khởi đầu, là nỗi tò mò cần được thỏa mãn, giống như những bộ quần áo phải thử mới biết có vừa hay không. Rồi sau này nhiều thứ khác nữa sẽ đến với thằng bé. Thứ tốt hơn. Thứ tệ hơn.

“Chú cũng thích đúng không Harry?”

Harry gật đầu. Anh không nỡ nói với Oleg rằng buổi biểu diễn này có phần đáng thất vọng đối với anh. Anh không rõ nguyên nhân vì đâu; có thể chỉ đơn giản là tối nay anh không có hứng. Khi hai chú cháu vừa hòa vào đám đông ở Spektrum, trong anh đã dậy lên cảm giác hoang tưởng thường xuất hiện mỗi lần uống say, nhưng suốt một năm nay nó vẫn tìm đến ngay cả những lúc anh tỉnh táo. Thế là thay vì đắm chìm trong không khí âm nhạc, anh lại cảm thấy như đang bị theo dõi và cứ đứng đó nhìn khắp đám đông khán giả, chăm chú quan sát tầng tầng lớp lớp những khuôn mặt quanh mình.

“Slipknot là số một,” Oleg nói. “Mấy cái mặt nạ cực chất luôn. Nhất là cái có mũi nhỏ, dài ấy ạ. Trông giống như… như…”

Harry nghe tai nọ ra tai kia, thầm mong Rakel sớm đến nơi. Không khí trong quán kebab bỗng trở nên nặng nề và ngột ngạt, như thể một lớp mỡ mỏng dính trên da và trên miệng. Anh cố gạt đi ý nghĩ đang lăm le xuất hiện. Nhưng nó vẫn đang trên đà kéo tới và đã sắp lộ diện. Ý nghĩ muốn uống một ly.

“Là mặt nạ người chết của thổ dân Anh điêng,” một giọng phụ nữ cất lên phía sau lưng hai chú cháu. “Và Slayer ăn đứt Slipknot.”

Harry kinh ngạc quay ngoắt lại.

“Slipknot hay phô diễn tạo dáng lắm, phải vậy không?” cô nói tiếp. “Ý tưởng toàn xào xáo lại, động tác thì vô nghĩa.”

Cô mặc chiếc áo khoác đen bóng ôm sát, dài đến mắt cá chân, cài cúc tới tận cổ, chỉ để lộ đôi bốt đen bên dưới. Khuôn mặt cô nhợt nhạt và đôi mắt được trang điểm.

“Không thể tin nổi,” Harry nói. “Cô lại thích thể loại nhạc đó kia đấy.”

Katrine Bratt cười nhẹ. “Tôi cũng có thể nói điều ngược lại.”

Cô không giải thích rõ hơn và ra hiệu bảo nhân viên trực quầy lấy cho cô chai nước khoáng Farris.

“Slayer dở ẹc,” Oleg khẽ lầm bầm.

Katrine quay sang phía cậu. “Chắc cháu là Oleg.”

“Vâng,” Oleg sưng sỉa đáp, kéo cao chiếc quần kiểu quân đội, trông như thể vừa thích vừa ghét khi được một phụ nữ trướng thành chú ý đến. “Sao cô biết?”

Katrine mỉm cười. “Sao cô biết? Với người sống ở Holmenkollen như cháu, đáng lẽ phải nói là Sao cô biết ạ? mới đúng chứ. Chú Harry làm hư cháu phải không?”

Hai má Oleg nóng bừng lên.

Katrine khẽ cười và vỗ vai Oleg. “Xin lỗi, cô tò mò chút thôi.”

Mặt thằng bé đỏ lựng đến nỗi lòng trắng trong đôi mắt sáng ánh lên.

“Tôi cũng đang tò mò đây,” Harry nói và đưa một cái hamburger cho Oleg. “Hẳn cô đã tìm ra mô thức mà tôi yêu cầu rồi. Vì cô có thời gian đi xem ca nhạc mà.”

Harry nhìn cô với ánh mắt thay lời cảnh cáo: Đừng trêu chọc thằng bé.

“Tôi đã tìm ra một chi tiết,” Katrine nói, vặn nắp chai nước khoáng Farris. “Nhưng giờ anh đang bận nên để mai nói cũng được.”

“Tôi không quá bận đâu,” Harry nói. Anh đã quên luôn mùi mỡ và cảm giác ngột ngạt ban nãy.

“Đó là vấn đề tối mật mà đây lại là chỗ đông người,” Katrine nói. “Nhưng tôi có thể nói nhỏ với anh đôi ba từ then chốt.”

Cô rướn người lại gần, ngoài mùi mỡ trong quán, anh có thể ngửi thấy hương nước hoa gần như nam tính của cô và cảm nhận hơi thở ấm áp phả vào tai mình.

“Một chiếc Volkswagen Passat màu bạc vừa đỗ lại ngoài kia. Người phụ nữ ngồi trong xe cố thu hút sự chú ý của anh. Tôi đoán đó là mẹ của Oleg…”

Harry giật mình đứng thẳng dậy và đưa mắt nhìn về phía chiếc xe qua ô cửa sổ lớn. Rakel đã hạ kính xe xuống và chăm chú nhìn họ.

“Đùng làm bẩn xe nhé,” Rakel nói với Oleg khi nó nhảy vào ghế sau với chiếc hamburger trong tay.

Harry đứng bên cửa sổ xe để ngỏ. Rakel mặc chiếc áo len trơn, màu xanh dương nhạt. Harry đã quá quen với chiếc áo ấy.

Anh biết rõ mùi hương, biết rõ cảm giác khi áp má và lòng bàn tay lên đó.

“Buổi biểu diễn có hay không?” cô hỏi.

“Em hỏi Oleg ấy.”

“Đúng ra là ban nhạc thuộc thể loại gì vậy?” Cô nhìn Oleg qua gương. “Những người ngoài kia ăn mặc hơi kỳ quái.”

“Toàn là tình ca nhẹ nhàng và mấy kiểu tương tự ấy mà mẹ,” Oleg nói và nháy mắt với Harry một cái thật nhanh khi cô rời mắt khỏi gương.

“Cảm ơn anh, Harry,” cô nói.

“Đừng khách sáo. Em lái xe cẩn thận nhé.”

“Người phụ nữ trong quán là ai vậy?”

“Một đồng nghiệp. Mới gia nhập.”

“Thế à? Vậy mà trông hai người cứ như quen thân lắm.”

“Sao lại thế?”

“Anh…” Đang nói nửa chừng thì cô ngưng bặt. Sau đó cô chậm rãi lắc đầu và bật cười. Tiếng cười trầm trầm nhưng vui tươi cất lên từ sâu trong cổ họng. Vừa tự tin lại vừa vô ưu. Tiếng cười đã khiến anh phải lòng cô.

“Xin lỗi, Harry. Chúc anh buổi tối tốt lành.”

Kính xe từ từ dựng lên; rồi chiếc ô tô màu bạc lướt đi.

Harry chen chúc giữa dòng người trên phố Brugata, đi qua những quán bar mở cửa bật nhạc ầm ĩ. Anh định đến quán Teddy’s Softbar uống cà phê, nhưng biết rõ đó là ý tưởng không lấy gì làm hay ho. Vì vậy anh quyết định đi tiếp.

“Cà phê á?” Anh chàng phục vụ ở quầy hỏi lại với vẻ kinh ngạc.

Máy phát nhạc ở Teddy đang chơi nhạc của Johnny Cash và Harry lướt một ngón tay lên môi trên.

“Anh có gợi ý nào hay hơn không?” Harry nghe giọng nói thốt ra từ miệng mình mà thấy vừa lạ vừa quen.

“À thì,” anh ta nói, lùa tay qua mái tóc bóng dầu, “cà phê pha không được mới lắm, thế nên hay là làm cốc bia tươi nhé?”

Johnny Cash đang hát về Chúa trời, lễ rửa tội và bao hứa hẹn mới mẻ.

“Được,” Harry nói.

Anh chàng kia toét miệng cười.

Đúng lúc ấy, Harry cảm thấy điện thoại di động trong túi rung lên. Anh vội vã, tham lam chộp lấy nó như thể đang mong ngóng cuộc gọi này.

Người gọi là Skarre.

“Chúng tôi vừa nhận được một cuộc gọi báo mất tích khớp với tiêu chí của ta. Phụ nữ đã lập gia đình và có con. Vài tiếng trước, ông chồng và các con về nhà nhưng không thấy cô ta đâu cả. Họ sống tít tận trong khu rừng ở Sollihøgda. Hàng xóm xung quanh không trông thấy cô vợ, và cô ta không thể lái xe bỏ đi vì ông chồng đang dùng xe. Trên đường cũng không thấy dấu chân nào.”

“Dấu chân ư?”

“Trên đó tuyết vẫn chưa tan.”

Cốc bia được đặt đánh cộp xuống trước mặt Harry.

“Harry? Anh có đó không vậy?”

“Có đây. Tôi đang mải nghĩ.”

“Nghĩ gì?”

“Ở đó có người tuyết nào không?”

“Hở?”

“Người tuyết ấy.”

“Làm sao tôi biết được?”

“Thì ta tới đó tìm hiểu xem. Cậu lái xe đến đón tôi ở bên ngoài trung tâm thương mại Gunerius trên phố Storgata nhé.”

“Để mai không được sao, Harry? Tối nay tôi có tí việc bận, mà người phụ nữ đó mới mất tích thôi, cần gì phải gấp.”

Harry nhìn đám bọt trườn xuống thân cốc bia như thể rắn bò.

“Đúng ra…” Harry nói, “… là gấp quá đi chứ.”

Anh chàng bartender ngỡ ngàng nhìn cốc bia vẫn còn nguyên, tờ năm mươi krone đặt trên mặt quầy và đôi vai rộng xăm xăm đi ra cửa trong tiếng nhạc Johnny Cash đang dần tắt lịm.

“Sylvia sẽ không đời nào bỏ đi như thế,” Rolf Ottersen nói.

Rolf Ottersen gầy tong teo. Nói đúng hơn là anh ta chỉ có da bọc xương. Anh ta mặc chiếc sơ mi vải flannel cài kín cúc, từ đó trồi lên một cái cổ cò hương và cái đầu khiến Harry liên tường đến một loài chim lội nước. Thò ra khỏi ống tay áo là đôi tay thuôn với những ngón dài gầy guộc liên tục cong lại, vặn vẹo, xoắn xuýt vào nhau. Bàn tay bên phải có móng dài được dũa sắc như vuốt. Phía sau cặp kính dày với gọng kim loại tròn đơn giản thường thấy ở những người theo quan điểm cấp tiến hồi thập niên bảy mươi, đôi mắt anh ta có vẻ to bất thường. Trên bức tường sơn màu vàng mù tạt treo một tấm áp phích có hình những người Anh điêng đang vác một con trăn Nam Mỹ. Harry nhận ra bìa đĩa LP của Joni Mitchell từ thời Đồ Đá của dân hippie. Cạnh đó là bản sao bức chân dung tự họa nổi tiếng của Frida Kahlo. Người phụ nữ khốn khổ, Harry thầm nghĩ. Bức tranh được một phụ nữ lựa chọn. Sàn nhà lát gỗ thông thô, căn phòng được chiếu sáng nhờ sự kết hợp của những cây đèn bão cổ và đèn bằng đất sét nung màu nâu trông như đồ tự làm. Dựa vào bức tường trong góc nhà là một cây ghita dây nylon, Harry đoán đó là lý do Rolf Ottersen để móng tay dài nhọn.

“Ông nói bà ấy không đời nào bỏ đi nghĩa là sao?” Harry hỏi.

Trên chiếc bàn phòng khách trước mặt Harry, Rolf Ottersen đã đặt sẵn tấm ảnh chụp vợ cùng hai cô con gái sinh đôi Olga và Emma mới lên mười. Sylvia Ottersen có đôi mắt to dại, giống như mắt người đeo kính lâu năm rồi sau chuyển sang dùng kính áp tròng hoặc phẫu thuật laser. Cặp sinh đôi được thừa hưởng đôi mắt của bà mẹ.

“Nếu đi, cô ấy sẽ nói,” Rolf Ottersen giải thích. “Hoặc để lại lời nhắn. Chắc chắn là cô ấy gặp chuyện rồi.”

Dù đang trong lúc tuyệt vọng nhưng giọng nói của anh ta vẫn khẽ khàng. Rolf Ottersen rút chiếc khăn mùi soa trong túi quần ra và đưa lên mặt. Anh ta có chiếc mũi lớn bất thường trên khuôn mặt nhỏ nhợt nhạt. Anh ta hỉ mũi một cái to như tiếng kèn đồng.

Skarre thò đầu vào qua ngưỡng cửa. “Đội huấn luyện chó nghiệp vụ đến rồi. Họ dẫn theo một con chó tìm xác.”

“Vậy tiến hành đi thôi,” Harry nói. “Cậu hỏi hết hàng xóm xung quanh chưa?”

“Đã hỏi. Vẫn không thu được gì cả.”

Skarre đóng cửa lại, và Harry nhận thấy đôi mắt Ottersen phía sau cặp kính càng mở lớn.

“Chó tìm xác ư?” Ottersen thì thầm.

“Đó là tên gọi chung thôi mà,” Harry nói, thầm nhủ phải nhớ chỉ cho Skarre vài mẹo để cậu ta chú ý lời ăn tiếng nói hơn mới được.

“Vậy các anh cũng dùng chúng để tìm người sống phải không?” Giọng người chồng nghe như đang van xin.

“Vâng, dĩ nhiên rồi,” Harry thà nói dối còn hơn phải thú thật với anh ta rằng chó tìm xác có nhiệm vụ đánh hơi tìm kiếm vị trí xác chết. Chúng không được dùng để tìm ma túy, tài sản thất lạc hoặc người sống. Chúng chỉ chuyên tìm người chết. Có thế thôi.

“Vậy ông nhìn thấy bà ấy lần cuối là vào lúc bốn giờ chiều nay,” Harry nói, cúi nhìn cuốn sổ tay. “Trước khi ông và hai con lái xe vào thành phố. Bố con ông tới đó để làm gì?”

“Tôi trông cửa hàng trong lúc các con đi học violin.”

“Cửa hàng?”

“Chúng tôi có một cửa hàng nhỏ ở khu Majorstuen chuyên bán hàng thủ công châu Phi. Mỹ nghệ, nội thất, vải vóc, quần áo, nhiều thứ lắm. Hàng nhập khẩu trực tiếp từ các nghệ nhân, họ được trả công xứng đáng. Sylvia trông cửa hàng là chính, nhưng thứ Năm hằng tuần chúng tôi mở cửa muộn, vì vậy cô ấy sẽ lái xe về nhà và tôi đưa hai đứa nhỏ đi. Tôi ở lại cửa hàng trong lúc chúng đi học violin ở Học viện Âm nhạc Barrat Due từ năm giờ đến bảy giờ. Học xong thì tôi đón chúng. Bố con tôi về tới nhà lúc hơn bảy rưỡi một chút.”

“Ừm. Còn ai làm việc ở cửa hàng nữa không?”

“Hết rồi.”

“Thế nghĩa là cửa hàng tạm đóng cửa trong khoảng thời gian ngắn vào các ngày thứ Nám. Chắc tầm một giờ nhỉ?”

Rolf Ottersen mỉm cười chua chát. “Cửa hàng bé lắm. Cũng chẳng có khách mấy. Gần như vắng tanh cho tới tận đợt giảm giá mùa Giáng sinh, nói thật là như vậy.”

“Sao lại thế?”

“Cơ quan Phát triển Quốc tế Na Uy. Họ hỗ trợ các cửa hàng và nhà cung cấp của chúng tôi như là một phần trong chương trình thương mại của chính phủ với những quốc gia thuộc thế giới thứ ba.” Anh ta khẽ ho mấy tiếng. “Thông điệp của chương trình đó quan trọng hơn so với tiền bạc và những lợi ích trước mắt, phải không?”

Harry gật đầu, dù rằng anh không hề nghĩ đến chương trình hỗ trợ phát triển và thương mại công bằng ở châu Phi mà đang muốn hỏi về quãng đường và thời gian lái xe ở Oslo. Từ trong phòng bếp nơi hai cô bé sinh đôi đang ngồi ăn nhẹ lúc tối muộn vọng ra tiếng radio. Anh không trông thấy chiếc ti vi nào trong nhà.

“Cảm ơn ông. Chúng tôi sẽ tiếp tục tìm kiếm.” Harry đứng dậy đi ra ngoài.

Trong sân có ba chiếc xe đang đỗ. Một trong số đó là chiếc Volvo Amazon của Bjørn Holm, được sơn lại bằng màu đen với một dải ca rô trên nắp capô và nóc xe. Harry ngước nhìn bầu trời đêm trong lành lấp lánh ánh sao phía trên trang trại nhỏ xíu nằm giữa khoảng rừng trống. Anh hít một hơi dài. Không khí thoang thoảng hương gỗ vân sam và mùi củi cháy. Từ bìa rừng, anh nghe thấy tiếng chó thở dốc và những lời khích lệ của viên cảnh sát.

Để tới nhà kho, Harry đi theo đường vòng mà cảnh sát đã vạch ra nhằm không làm ảnh hưởng đến những manh mối có thể sử dụng. Tiếng nói chuyện lao xao vọng ra từ cửa chính để ngỏ. Anh ngồi thụp xuống và chăm chú quan sát những vết chân trên tuyết dưới ánh sáng tỏa ra từ chiếc đèn ngoài sân. Sau đó anh đứng dậy, dựa vào khung cửa và lấy ra một bao thuốc.

“Trông có vẻ giống hiện trường vụ án,” anh nói. “Có máu, có xác và đồ đạc bị lật tung.”

Bjørn Holm và Magnus Skarre ngừng chuyện trò, quay sang và nhìn theo hướng của Harry. Nhà kho rộng rãi thoáng đãng được thắp sáng nhờ một bóng đèn dây tóc duy nhất treo lủng lẳng trên sợi dây cáp quấn quanh một xà nhà. Bên kia nhà kho có một cái máy tiện, đằng sau là tấm ván treo nhiều dụng cụ: búa, cưa, kìm, máy khoan. Không có thiết bị chạy điện. Ở đầu đối diện là một hàng rào dây thép và phía sau là đàn gà đang đậu trên mấy ô chuồng trong hốc tường hoặc đi lại cứng nhắc trên đống rơm. Ở giữa nhà, trên sàn gỗ mộc, xám xịt, dính đầy máu là ba cái xác không đầu. Harry đưa điếu thuốc lên môi mà không châm lửa, bước vào trong, cẩn thận để tránh giẫm phải máu, và ngồi thụp xuống bên cạnh khối gỗ dùng thay thớt để xem xét mấy cái đầu gà. Luồng sáng tỏa ra từ đèn pin chiếu vào những cặp mắt đen đờ đẫn. Trước hết anh cầm lên nửa chiếc lông vũ màu trắng trông như thể bị đốt cháy đen ở rìa, rồi anh nhìn kỹ vết chặt rất ngọt ở cổ mấy con gà. Máu đã đông lại và chuyển sang màu đen. Anh biết việc đó diễn ra nhanh thôi, chỉ chừng hơn nửa giờ đồng hồ một chút.

“Có tìm được điều gì hay ho không?” Bjørn Holm hỏi.

“Nghề này khiến não tôi đi đứt rồi Holm ạ. Giờ nó đang đi phân tích xác gà chết đây.”

Skarre phá lên cười và giơ tay viết tít báo trong không trung: “Án mạng ba con gà đẫm máu. Thuộc địa phận tà giáo. Harry Hole được chỉ định điều tra.”

“Thứ tôi không tìm được còn hay hơn ấy,” Harry nói.

Bjørn Holm nhướn một bên lông mày, đưa mắt quan sát xung quanh rồi chậm rãi gật đầu.

Skarre nhìn họ với vẻ ngờ vực. “Đó là gì?”

“Hung khí gây án,” Harry đáp.

“Một chiếc rìu,” Holm nói. “Cách giết gà đúng đắn nhất.”

Skarre khịt mũi. “Nếu cô vợ là người làm thịt gà, cô ta hẳn phải cất rìu về chỗ cũ. Nông dân ở đây ngăn nắp lắm.”

“Tôi cũng nghĩ vậy,” Harry nói, lắng nghe tiếng gà cục cục như phát ra từ bốn phía. “Vì thế mới thấy lạ khi khối gỗ dùng để chặt lại lộn tùng phèo, xác gà vứt lăn lóc xung quanh. Và cái rìu thì không nằm ở đúng chỗ của nó.”

“Chỗ của nó?” Skarre quay sang ngó Holm và đảo tròn mắt.

“Nếu cậu chịu khó xem xét thì sẽ thấy, Skarre ạ,” Harry nói mà không buồn nhúc nhích.

Skarre vẫn nhìn Holm, Holm hất đầu về phía tấm ván đằng sau cái máy tiện.

“Chết tiệt,” Skarre nói.

Trên khoảng trống giữa chiếc búa và cái cưa gỉ có dấu vết một chiếc rìu nhỏ để lại.

Từ ngoài vọng vào tiếng chó sủa, rên ư ử, và sau là tiếng quát của viên cảnh sát, không còn là những lời khích lệ nữa.

Harry đưa tay xoa cằm. “Chúng ta đã tìm khắp nhà kho này rồi, vì thế tạm thời có vẻ như Sylvia Ottersen đã rời khỏi đây trong lúc giết gà, mang theo cả chiếc rìu. Holm, cậu đo nhiệt độ cơ thể mấy con gà này và ước định thời điểm chết nhé?”

“Được.”

“Là sao?” Skarre hỏi.

“Tôi muốn biết cô ta chạy khỏi đây lúc nào,” Harry nói. “Cậu có thu được gì từ những dấu giày ngoài sân không, Holm?”

Anh chàng chuyên gia pháp y lắc đầu. “Nhiều vết giẫm đạp quá, mà tôi cũng cần có thêm ánh sáng. Tôi tìm thấy vài dấu bốt của Rolf Ottersen. Ngoài ra còn có mấy dấu chân của những người đi vào nhà kho, nhưng không thấy dấu chân nào từ đó đi ra. Có thể cô ta được ai đó vác đi chăng?”

“Ừm. Nếu vậy thì dấu chân của người vác sẽ hằn sâu hơn. Tiếc là không ai giẫm vào vết máu.” Harry căng mắt ra nhìn những bức tường u tối ngoài tầm chiếu sáng của chiếc bóng đèn. Họ nghe thấy tiếng chó rên tru rất tội nghiệp và tiếng rủa sả tức tối của viên cảnh sát ở ngoài sân.

“Cậu ra xem thử có chuyện gì đi, Skarre,” Harry nói.

Sau khi Skarre đi, Harry lại bật đèn pin lên và tiến về phía bức tường. Anh xoa tay trên những tấm ván gỗ không sơn.

“Anh đang…” Holm nói nhưng rồi ngừng bặt khi chiếc bốt của Harry đá vào bức tường với một tiếng cộp trầm đục.

Bầu trời sao lấp lánh bỗng hiện ra trước mắt họ.

“Là cửa sau,” Harry nói, đăm đăm nhìn khu rừng tối và hình bóng những cây vân sam in trên vòm sáng màu vàng đục của ánh đèn thành phố tỏa ra từ phía xa. Anh chiếu đèn pin lên tuyết. Ánh đèn lập tức soi tỏ những dấu chân để lại.

“Hai người,” Harry nói.

“Là con chó,” Skarre nói khi quay trở vào. “Nó không chịu nhúc nhích.”

“Không nhúc nhích ư?” Harry soi đèn lên loạt dấu chân. Lớp tuyết phản xạ ánh sáng, nhưng dấu vết dần mất hút trong bóng tối bên dưới rừng cây.

“Người huấn luyện không tài nào hiểu nổi. Anh ta nói dường như con chó sợ chết khiếp. Bảo thế nào nó cũng nhất định không chịu đi vào rừng.”

“Có thể nó đánh hơi thấy mùi của lũ cáo,” Holm nói. “Trong rừng này nhiều cáo lắm.”

“Cáo ư?” Skarre hừ mũi. “Con chó to tướng thế, sao lại sợ cáo được.”

“Có thể nó chưa gặp cáo bao giờ,” Harry nói. “Nhưng nó biết nó đánh hơi được mùi của thú săn mồi. Sợ hãi trước những gì mình không biết là điều rất bình thường. Con nào mà không sợ thì đừng mong sống lâu được.” Harry cảm thấy tim mình bắt đầu đập dồn. Và anh biết rõ nguyên nhân. Đó là do khu rừng. Do bóng tối. Nỗi sợ này thuộc loại không bình thường. Là loại cần phải vượt qua.

“Nơi này từ giờ sẽ được coi là hiện trường vụ án cho tới khi có thông báo khác,” Harry nói. “Mọi người vào việc đi. Tôi sẽ kiểm tra xem dấu vết kia dẫn tới đâu.”

“Được rồi.”

Harry nuốt khan rồi bước ra ngoài qua cửa sau. Chuyện xảy ra đã hơn ba mươi năm trước. Ấy thế mà đến giờ nó vẫn khiến anh sởn gai ốc.

Năm ấy, Harry đang trải qua kỳ nghỉ mùa thu tại nhà ông bà anh ở Åndalsnes. Trang trại nằm trên một sườn đồi bên dãy núi Romsdal hùng vĩ. Cậu bé Harry khi đó mới lên mười đi vào rừng kiếm con bò lạc mà ông cậu đang tìm. Cậu muốn tìm được nó trước ông và tất cả mọi người. Thế là cậu vội vã lao đi. Chạy điên cuồng qua những ngọn đồi với những bụi việt quất mềm mại và rặng bạch dương lùn với dáng hình cong queo, kỳ dị. Lối mòn thoắt ẩn thoắt hiện trong lúc cậu bé chạy theo đường thẳng đến nơi cậu ngỡ như có tiếng chuông vọng giữa rừng cây. Âm thanh ấy lại vang lên, lần này xa hơn một chút về phía bên phải. Cậu nhảy qua dòng suối, khom người luồn dưới tán cây, bì bõm lội qua đồng lầy, đám mây gây mưa đang mỗi lúc một đến gần. Cậu có thể trông thấy màn mưa phùn bên dưới đám mây đang trút xuống sườn núi dốc.

Cơn mưa nhỏ đến nỗi Harry không hề nhận ra bóng tối đang dần kéo đến; nó âm thầm trườn ra từ đầm lầy, lẩn lút giữa những tàng cây, tràn xuống qua bóng râm bên sườn núi như dòng sơn đen ngòm và tụ lại ở đáy thung lũng. Cậu bé ngẩng lên nhìn một con chim lớn đang sải cánh chao lượn trên đầu, cao đến chóng mặt, tới nỗi cậu trông thấy cả ngọn núi phía sau. Đột nhiên cậu vấp chân và ngã nhào. Harry chới với đổ sấp xuống. Mọi thứ trước mắt bỗng tối sầm, trong mũi và miệng cậu ngập tràn vị của đồng lầy và cái chết, của sự thối rữa và bóng tối. Khi nằm trên mặt đất, trong vài giây ngắn ngủi cậu còn nếm được cả vị của bóng tối. Rồi cậu lại đứng lên và thấy rằng ánh sáng đã hoàn toàn tan biến. Tan biến nơi ngọn núi sừng sững đứng đó trong câm lặng, oai nghiêm, thì thầm với cậu rằng cậu chẳng hay mình đang ở đâu, từ lâu rồi cậu nào có biết. Không nhận ra mình vừa đánh mất một chiếc ủng, cậu đứng dậy và bắt đầu chạy. Chẳng mấy chốc cậu sẽ trông thấy thứ gì đó quen thuộc thôi. Nhưng nơi đây dường như đã trở thành vùng đất bị phù phép; những tảng đá bỗng hóa thành cái đầu của đám sinh vật trỗi dậy từ lòng đất, những bụi cây giống những ngón tay cào xé đôi chân cậu, còn rặng bạch dương lùn là những mụ phù thủy vừa gập người cười như nắc nẻ vừa giơ tay chỉ đường, hướng này hay hướng kia, ấy là lối về hay dẫn tới chốn đọa đày muôn kiếp, đường tới nhà ông bà hay lạc đến chỗ Vực thẳm. Người lớn từng kể cho cậu nghe về Vực thẳm. Đó là một đầm lầy sâu không đáy, nơi gia súc, con người và cả xe ngựa đã biến mất, không bao giờ trở lại.

Mãi gần đến đêm Harry mới lảo đảo bước vào căn bếp, bà ôm chầm lấy cậu và nói rằng bố cậu, ông cậu và tất cả người lớn ở trang trại gần đó đi tìm cậu suốt thời gian qua. Cậu đã đi lạc ở đâu?

Trong rừng.

Nhưng cậu không nghe thấy tiếng họ gọi ư? Họ đã kêu tên Harry mãi; bà nghe thấy họ không ngừng gọi cậu mà.

Cậu không nhớ chút gì về điều đó cả, nhưng sau này, nhiều lần cậu được nghe kể lại rằng cậu ngồi trên chiếc hộp gỗ trước bếp lò, run rẩy vì lạnh, đăm đăm nhìn về phía xa với vẻ hờ hững, và đáp: “Cháu không nghĩ đấy là người lớn đang gọi mình.”

“Vậy cháu nghĩ là ai?”

“Những kẻ khác. Bóng tối cũng có vị của nó đấy, bà có biết không ạ?”

Harry bước vào trong rừng mới được vài mét thôi mà bầu không khí căng thẳng và tĩnh lặng gần như phi tự nhiên đã kịp bủa vây lấy anh. Anh chiếu đèn pin xuống mặt đất phía trước, vì cứ mỗi lần hướng luồng sáng về phía khu rừng, những cái bóng lại vụt qua rặng cây hệt như những linh hồn giật mình thảng thốt giữa màn đêm đen kịt. Được một vầng sáng soi rọi tách biệt khỏi bóng tối chẳng mang lại cho anh cảm giác an tâm chút nào. Ngược lại là đằng khác. Niềm tin vững chắc rằng anh là thứ dễ thấy nhất đang di chuyển trong khu rừng khiến anh cảm thấy như đang phơi mình trước hiểm họa. Những cành cây cào vào mặt anh chẳng khác nào những ngón tay kẻ mù lòa đang quờ quạng để nhận ra người lạ.

Hai hàng dấu chân dẫn đến một con suối nơi dòng nước róc rách đã nhấn chìm tiếng thở hổn hển của anh. Một hàng bỗng biến mất, còn hàng kia đi theo con suối đến chỗ đất thấp hơn.

Harry lại bước tiếp. Dòng suối uốn lượn quanh co, nhưng anh chẳng lo không xác định được phương hướng; anh cứ theo dấu chân cũ của mình là sẽ về đến nơi.

Một con cú, hẳn là đang đậu ở gần đó, bỗng rúc lên một hồi cảnh báo tuuýt tuuu. Ánh dạ quang xanh lục trên mặt đồng hồ đeo tay cho anh biết anh đi hơn mười lăm phút rồi. Đã đến lúc quay lại và cử một đội ngũ được trang bị đầy đủ vật dụng, dẫn theo một chú chó không sợ cáo thay anh tìm tiếp.

Tim Harry bỗng ngừng đập.

Nó bay vụt qua trước mặt anh. Không một tiếng động và nhanh như chớp đến nỗi anh không kịp nhìn thấy gì. Nhưng luồng gió đã để lộ hành tung của nó. Harry nghe thấy tiếng con cú đập cánh dưới tuyết và tiếng chít chít đáng thương của một loài gặm nhấm nhỏ bé vừa trở thành mồi ngon cho nó.

Anh từ tốn thở ra một hơi từ sâu trong lồng ngực. Chiếu đèn pin về phía rừng cây trước mặt lần cuối rồi quay người trở về. Anh bước một bước, sau đó bất ngờ khựng lại. Anh muốn tiến thêm một bước, hai bước, để ra khỏi đây. Nhưng việc cần làm vẫn phải làm. Anh chiếu đèn về phía sau. Và lại nhác thấy nó. Thứ gì đó lóe lên, ánh sáng phản xạ lẽ ra không thể xuất hiện giữa khu rừng tối đen. Anh tiến tới gần hơn. Ngoái lại và cố ghi nhớ vị trí này. Nó nằm cách dòng suối chừng mười lăm mét. Anh ngồi thụp xuống. Chỉ có phần bằng thép nhô lên, nhưng không cần gạt đi lớp tuyết phía trên anh cũng biết nó là thứ gì. Một chiếc rìu. Trước đó nếu lưỡi rìu có dính máu gà thì giờ cũng không còn nữa. Quanh chiếc rìu không có dấu chân nào. Harry rọi đèn và trông thấy một cành cây gãy nằm trên tuyết cách đó vài mét. Có người đã ném chiếc rìu tới đây bằng một lực cực mạnh.

Vào giây phút ấy, cảm giác quen thuộc lại trỗi dậy. Đó là cảm giác anh từng trải qua lúc ở cung thể thao Spektrum tối nay. Anh tưởng như mình đang bị theo dõi. Theo bản năng, anh tắt đèn đi, bóng tối như tấm chăn bao trùm lấy anh. Anh nín thở và lắng tai nghe. Đừng, anh thầm nhủ. Đừng để điều đó xảy ra. Cái ác không phải là một thực thể. Nó không cách nào chiếm hữu được mi. Ngược lại, nó là thứ vô định hình, là sự thiếu vắng của cái thiện. Thứ duy nhất đáng sợ ở đây chỉ là bản thân mi mà thôi.

Harry bật đèn lên và chiếu về phía khoảng rừng trống.

Là cô ta. Cô ta đang đứng bất động giữa rừng cây, nhìn anh không chớp mắt, vẫn đôi mắt to dại như trong ảnh. Điều đầu tiên Harry nghĩ đến là cô ta ăn vận giống như một cô dâu trong bộ váy trắng, đứng trước bàn thờ, ở đây, giữa khu rừng này. Ánh đèn rọi tới khiến cô ta tỏa sáng lấp lánh. Harry run rẩy hít một hơi và rút chiếc điện thoại di động trong túi áo khoác ra. Bjørn Holm nghe máy sau hai hồi chuông reo.

“Cậu cho người phong tỏa toàn bộ khu vực,” Harry nói. Cổ anh bỗng trở nên khô rát. “Tôi sẽ điều quân đến.”

“Xảy ra chuyện gì vậy?”

“Ở đây có một người tuyết.”

“Thế thì sao?”

Harry bèn giải thích cho anh ta hiểu.

“Câu cuối tôi không nghe được,” Holm gào lên. “Sóng kém quá…”

“Cái đầu,” Harry nhắc lại. “Đó là đầu của Sylvia Ottersen.”

Bên kia bỗng lặng thinh.

Harry bảo Holm đi theo dấu chân, rồi anh ngắt máy.

Tiếp đó anh ngồi xuống dựa vào một thân cây, cài cúc áo khoác cho bằng hết và tắt đèn đi để tiết kiệm pin trong lúc chờ đợi. Thầm nghĩ anh đã quên mùi vị nó như thế nào rồi, vị bóng tối.

# PHẦN HAI

## Ngày thứ tư

### PHẤN

Ba rưỡi sáng và Harry mệt nhoài mở khóa cửa căn hộ của mình. Anh cởi đồ và đi thẳng vào phòng tắm. Anh cố không nghĩ ngợi miên man trong lúc để những tia nước bỏng rát làm da anh tê tái, xoa dịu cơ bắp cứng đờ và làm tan cơ thể đông cứng của anh. Cảnh sát đã trao đổi với Rolf Ottersen, nhưng cuộc thẩm vấn chính thức đành phải gác lại đến sáng. Tại Sollihøgda, họ nhanh chóng hoàn tất việc đến từng nhà lấy lời khai của hàng xóm sống quanh đó; cũng chẳng có mấy người để mà hỏi. Nhưng các sĩ quan thuộc Đơn vị Điều tra Hiện trường cùng bầy chó nghiệp vụ vẫn miệt mài làm việc, và tiếp tục làm thâu đêm. Họ phải cố gắng tận dụng khoảng thời gian ít ỏi trước khi chứng cứ bị vấy bẩn, tan chảy hoặc bị tuyết vùi lấp. Anh tắt vòi sen. Hơi nước mù mịt khiến căn phòng trở nên xám ngoét, và khi anh vừa lau gương xong thì một lớp hơi nước đã ngưng tụ lại ngay lập tức. Nó khiến mặt anh trở nên méo mó và xóa nhòa những đường nét của thân thể lõa lồ.

Harry đang đánh răng thì điện thoại đổ chuông. “Harry nghe.”

“Stormann, người xử lý nấm mốc đây.”

“Anh thức khuya vậy,” Harry ngạc nhiên nói.

“Tôi đoán anh còn bận làm việc.”

“Vậy ư?”

“Bản tin đêm khuya có nhắc đến. Người phụ nữ ở Sollihøgda. Tôi trông thấy anh ở hậu cảnh. Tôi có kết quả rồi đây.”

“Thế nào?”

“Anh có nấm. Lại còn là bọn háu ăn nữa. Aspergillus versicolor.”

“Nghĩa là sao?”

“Thứ đó màu gì cũng có. Đây là nếu anh nhìn thấy chúng. Ngoài ra thì còn có nghĩa là tôi phải phá dỡ thêm vài bức tường nhà anh.”

“Ừm.” Harry mơ hồ cảm thấy mình nên tỏ thái độ quan tâm và lo lắng hơn mới phải, hoặc chí ít là hỏi han thêm. Nhưng anh chẳng thể nào bận tâm nổi. Nhất là vào giờ này.

“Vậy cứ tự nhiên.”

Harry cúp máy và nhắm mắt lại. Chờ đợi những bóng ma, những điều không tránh được, chừng nào anh còn tránh xa liều thuốc duy nhất anh biết có tác dụng với những bóng ma ấy. Biết đâu lần này anh sẽ gặp một người quen khác. Anh đợi cô ta hiện ra từ trong rừng, tập tễnh lê bước về phía anh với tấm thân khổng lồ màu trắng không chân, quả bóng bowling dị dạng với cái đầu bên trên, hai hốc đen ngòm với những con quạ đang rỉa nốt phần còn lại của tròng mắt, hàm răng nhe ra sau khi bầy cáo đã xử lý cặp môi. Khó mà biết được cô ta có xuất hiện hay không; tiềm thức vốn là thứ khó lường. Khó lường đến nỗi khi chìm vào giấc ngủ, Harry mơ thấy mình đang nằm trong bồn tắm nước ngập quá đầu, lắng nghe tiếng ì ầm trầm trầm của bong bóng và tiếng cười phụ nữ. Những dải tảo biển mọc ra từ lớp men trắng, vươn tới chỗ anh như những ngón tay màu xanh của một bàn tay trắng bệch đang lần tìm tay anh.

Ánh nắng buổi sáng in những ô hình chữ nhật lên mấy tờ báo đang nằm trên bàn làm việc của sếp Đội Hình sự Gunnar Hagen. Chúng làm bừng sáng nụ cười của Sylvia Ottersen cùng vài hàng tít trên trang nhất. BỊ GIẾT VÀ BỊ CHẶT ĐẦU, BỊ CHẶT ĐẦU TRONG RÙNG, và cuối cùng, ngắn gọn nhưng súc tích nhất, BỊ CHẶT ĐẦU.

Đầu Harry đau như búa bổ kể từ lúc tỉnh dậy đến giờ. Anh thận trọng đưa hai tay lên ôm đầu thầm nghĩ tối qua mà có uống chắc cũng chẳng sao, cơn đau cũng đâu thể tệ hơn được. Anh chỉ muốn nhắm mắt lại, nhưng Hagen đang nhìn thẳng vào anh. Harry nhận thấy miệng Hagen cứ liên tục mở ra, khua khoắng rồi ngậm vào, nói đơn giản là ông ta đang thốt ra những lời mà Harry khó lòng bắt sóng nổi.

“Kết luận là…” Hagen nói, và Harry biết đã đến lúc phải dỏng tai lên nghe rồi, “từ giờ trở đi vụ này sẽ được ưu tiên hàng đầu. Dĩ nhiên, điều đó có nghĩa chúng ta sẽ lập tức mở rộng quy mô tổ điều tra của cậu và…”

“Phản đối,” Harry đáp. Chỉ nói ra đúng hai từ ấy thôi cũng khiến anh cảm thấy đầu mình như sắp nổ tung. “Sau này chúng tôi có thể sẽ xin bổ sung nhân lực, nhưng tạm thời tôi không muốn có thêm ai khác góp mặt trong các cuộc họp. Bốn người là đủ rồi.”

Vẻ mặt Gunnar Hagen sửng sốt cực độ. Với những vụ án mạng, ngay cả vụ đơn giản đi nữa, tổ điều tra tối thiểu luôn phải có hơn chục người.

“Tư duy tự do phát huy tác dụng nhất trong những nhóm nhỏ,” Harry nói thêm.

“Tư duy ư?” Hagen kêu lên. “Thế còn quy trình làm việc thông thường của cảnh sát thì sao? Lần theo chứng cứ pháp y, thẩm vấn, kiểm tra các tin mật báo? Và cả việc hợp tác trao đổi thông tin nữa? Toàn là những…”

Harry giơ tay lên cắt ngang lời lẽ đang tuôn trào. “Lý do chính là thế đấy. Tôi không muốn chết chìm trong mấy thứ đó.”

“Chết chìm?” Hagen trân trân nhìn Harry với vẻ kinh ngạc. “Vậy thì tốt hơn hết tôi nên giao vụ này cho người nào biết bơi.”

Harry xoa hai bên thái dương. Hagen biết tại thời điểm này, ở Đội Hình sự, ngoài thanh tra Hole thì làm gì còn ai dám đứng ra chỉ đạo điều tra một vụ án như thế này và Harry biết rõ điều đó. Hơn nữa, Harry còn biết rằng chuyển vụ này cho cục điều tra trung ương, Kripos, thì quả là một sự mất thể diện ghê gớm đối với vị POB mới được bổ nhiệm, ông ta thà hy sinh cánh tay phải lông lá thấy ghê của mình còn hơn.

Harry thở dài. “Các tổ điều tra nói chung thường ngoi ngóp trong dòng thác thông tin. Mà đây mới là các vụ thông thường thôi. Còn những vụ chặt đầu được đưa lên trang nhất…” Harry lắc đầu. “Dân tình mất trí hết rồi. Sau khi bản tin đêm qua phát sóng, chúng tôi đã nhận được hơn trăm cuộc điện thoại. Sếp biết đấy, toàn mấy lão say lèm bèm và những gã thần kinh, cộng thêm vài kẻ mới nữa. Chúng nói rằng vụ giết người đó được nhắc tới trong Sách Khải huyền, những chuyện kiểu thế. Tính đến giờ này hôm nay chúng tôi đã nhận hai trăm cú điện thoại. Sếp cứ chờ đến lúc lộ ra tin tức là có thể còn vài thi thể nữa rồi biết. Cứ cho là chứng ta cử hai mươi người trực điện thoại. Họ sẽ kiểm tra và viết báo cáo. Sau đó người phụ trách tổ sẽ phải dành ra hai tiếng mỗi ngày để đích thân đọc những thông tin thu được, hai tiếng nữa để tập hợp các thành viên trong tổ, báo cáo tình hình và giải đáp những thắc mắc của họ, rồi lại mất thêm nửa tiếng để cắt gọt, chỉnh sửa những thông tin có thể đưa ra trong buổi họp báo kéo dài bốn mươi lăm phút. Điều tệ hại nhất là ở chỗ,” Harry đặt hai ngón trỏ lên cơ hàm nhức nhối và nhăn mặt, “với những vụ án thông thường, đó có thể là cách tốt để tận dụng các nguồn chúng ta có. Vì ngoài kia thế nào cũng có người biết được đôi điều, nhìn thấy hoặc nghe thấy gì đó. Những thông tin chúng ta có thể nhọc công xâu chuỗi lại hoặc giúp ta phá được án một cách thần kỳ.”

“Rất đúng,” Hagen nói. “Chính vì vậy…”

“Nhưng vấn đề là,” Harry tiếp tục nói, “đây không phải vụ án như thế. Không phải kẻ sát nhân như thế. Kẻ đó không hề tiết lộ với bạn bè hoặc quanh quẩn ở hiện trường. Những người ngoài kia chẳng ai biết gì hết, thế nên những cuộc điện thoại gọi đến không giúp gì được cho cảnh sát mà chỉ làm mất thời gian của ta thôi. Hơn nữa, mọi manh mối pháp y có thể thu được đều là do hung thủ để lại nhằm khiến chúng ta rối trí. Nói tóm lại, đây là một trò chơi hoàn toàn khác.”

Hagen ngả người ra ghế, chụm mười đầu ngón tay vào nhau và, chìm trong suy tư, ông quan sát Harry. Ông ta chớp mắt hệt như con thằn lằn đang nằm sưởi nắng, sau đó lên tiếng hỏi: “Vậy cậu coi đây là một trò chơi ư?”

Harry gật đầu mà lòng băn khoăn không hiểu Hagen đang nhắm đến điều gì.

“Trò chơi kiểu gì? Đánh cờ?”

“À,” Harry nói, “có thể là bịt mắt đánh cờ.”

Hagen gật. “Thế trong hình dung của cậu, hung thủ là kẻ giết người hàng loạt kiểu kinh điển, tên sát nhân máu lạnh sở hữu trí thông minh tuyệt đỉnh, ham thích trò chơi, cuộc vui và thách thức?”

Giờ thì Harry đã hiểu Hagen muốn nhắm đến điều gì rồi.

“Một kẻ bước ra từ những vụ giết người hàng loạt mà cậu đọc được trong khóa huấn luyện của FBI? Cái loại cậu từng đối đầu ở Australia hồi đó? Kẻ mà,” vị POB bập môi một cái như thể đang nếm những lời mình nói, “về cơ bản xứng đáng trở thành kỳ phùng địch thủ của một người có nền tảng như cậu.”

Harry thở dài. “Tôi không hề nghĩ như thế, sếp ạ.”

“Không ư? Đừng quên, tôi đã từng giảng dạy ở trường quân đội. Theo cậu, những vị tướng quân tương lai mơ đến điều gì khi tôi nói với họ các chiến lược gia quân sự đã làm thay đổi tiến trình lịch sử nhân loại ra sao? Cậu nghĩ họ mơ ngồi một chỗ cầu mong hòa bình, mơ rằng họ sẽ kể cho con cháu nghe họ chỉ sống mòn, người đời chẳng bao giờ biết họ có thể làm được những gì ư? Ngoài miệng có thể họ nói mong muốn hòa bình, nhưng trong thâm tâm, họ vẫn mơ Harry ạ. Mơ mình có một cơ hội. Người đàn ông luôn có khao khát mãnh liệt về mặt xã hội là được cần đến. Chính vì thế các vị tướng ở Lầu Năm Góc luôn sẵn sàng vẽ ra viễn cảnh đen tối nhất ngay khi có tiếng pháo nổ đâu đó trên thế giới. Tôi nghĩ cậu muốn vụ này trở nên đặc biệt, Harry ạ. Cậu muốn đến nỗi chỉ nhìn thấy điều đen tối nhất trong số những điều đen tối mà thôi.”

“Là người tuyết, sếp ạ. Có nhớ lá thư tôi đưa cho sếp không?”

Hagen thở dài. “Tôi nhớ một kẻ tâm thần.”

Harry biết mình nên đầu hàng thì hơn. Đưa ra lời đề nghị thỏa hiệp mà anh đã chuẩn bị sẵn. Nhường chiến thắng nhỏ nhoi này cho Hagen. Nhưng không, thay vào đó anh lại nhún vai. “Tôi muốn giữ nguyên tổ điều tra của mình.”

Mặt Hagen sa sầm lại. “Tôi không thể cho cậu làm thế được, Harry.”

“Không thể ư?”

Hagen đọ mắt với Harry hồi lâu, nhưng rồi điều đó xảy ra. Ông ta chớp mắt; ánh nhìn lạc đi nơi khác. Dù chỉ một phần giây thôi nhưng cũng đủ rồi.

“Còn nhiều điều khác phải cân nhắc,” Hagen nói.

Harry cố giữ vẻ mặt ngây thơ trong lúc xát muối vào vết thương. “Điều gì hả sếp?”

Hagen cúi nhìn đôi tay mình.

“Thế cậu nghĩ là điều gì? Các sếp ở trên. Báo chí. Rồi các chính khách. Nếu sau ba tháng mà không bắt được hung thủ, theo cậu, ai là người sẽ phải trả lời những chất vấn về các mối ưu tiên của đơn vị? Ai sẽ phải giải thích lý do vì sao lại để bốn người điều tra vụ này chỉ vì nhóm nhỏ sẽ phù hợp hơn,” Hagen phun ra những từ ngữ như thể chúng là thuốc độc, “cho tư duy tự do và trò chơi đánh cờ? Cậu có nghĩ đến những điều đó không hả Harry?”

“Không,” Harry đáp, khoanh tay trước ngực. “Tôi chỉ nghĩ đến việc làm sao để bắt được tên này, chứ không phải làm sao để giải trình vì không bắt được hắn.”

Harry biết chiêu đó thật rẻ tiền, nhưng những lời anh vừa nói đã đánh trúng chỗ hiểm. Hagen chớp mắt hai cái. Miệng mở ra rồi khép lại. Và Harry lập tức cảm thấy thật xấu hổ. Sao lúc nào anh cũng phải khơi ra mấy trò cạnh tranh trẻ con và vô nghĩa chỉ để có được cảm giác thỏa mãn khi làm bẽ mặt người khác, dù là ai đi chăng nữa? Rakel có lần đã bảo chắc anh luôn ao ước mình chào đời với một ngón tay giữa thừa ra luôn chĩa thẳng lên trời.

“Ở Kripos có một sĩ quan tên là Espen Lepsvik,” Harry nói. “Anh ta giỏi chỉ đạo các cuộc điều tra quy mô lớn. Tôi có thể trao đổi với anh ta, bảo anh ta thành lập một tổ và báo cáo tình hình lại cho tôi. Hai tổ sẽ làm việc song song và độc lập với nhau. Sếp cùng giám đốc Sở sẽ lo vụ họp báo. Sếp thấy thế có được không?”

Harry không cần phải đợi nghe câu trả lời. Anh có thể nhận ra sự cảm kích trong ánh mắt Hagen. Và anh biết mình đã thắng trong cuộc cạnh tranh nhảm nhí này.

Việc đầu tiên Harry làm khi về đến văn phòng riêng là nhấc máy lên gọi cho Bjørn Holm.

“Hagen đồng ý rồi, mọi chuyện sẽ tiến hành như đã bàn. Nửa tiếng nữa ta họp ở phòng tôi. Cậu gọi cả Skarre và Bratt luôn nhé?”

Anh đặt điện thoại xuống. Nghĩ đến những điều Hagen nói, về đám chính khách hiếu chiến muốn có cuộc chiến của riêng mình. Và mở ngăn kéo tìm kiếm trong tuyệt vọng một viên Dispril.

“Ngoài mấy dấu chân, chúng ta không tìm thấy bất cứ vết tích nào của hung thủ ở nơi được cho là hiện trường vụ án,” Magnus Skarre nói. “Khó hiểu hơn nữa là cũng không thấy cả dấu vết của thi thể. Hắn đã chặt đầu người phụ nữ đó chứ chẳng chơi, đáng nhẽ phải để lại vô số chứng cứ. Nhưng tất cả đều là con số không. Lũ chó nghiệp vụ thậm chí còn không có phản ứng gì! Thật kỳ lạ.”

“Hắn giết rồi chặt đầu nạn nhân dưới suối,” Katrine nói. “Dấu chân của cô ta kết thúc ở vị trí ngược lên phía trên một đoạn, đúng không? Cô ta nhảy xuống nước để không lưu lại dấu chân, nhưng hắn đã đuổi kịp.”

“Hắn dùng hung khí gì?” Harry hỏi.

“Rìu hoặc cưa, còn cái gì vào đây nữa?”

“Vậy còn những vết bỏng quanh phần da ở chỗ bị chặt thì giải thích thế nào?”

Katrine đưa mắt nhìn Skarre và cả hai đều nhún vai.

“Được rồi, Holm kiểm tra chi tiết này nhé,” Harry nói. “Sau đó thì sao?”

“Sau đó có thể hắn vác cô ta băng qua suối để tới con đường,” Skarre đáp. Anh ta chợp mắt được hai tiếng, áo len mặc ngược đằng trước ra đằng sau, nhưng chẳng ai còn bụng dạ nào nhắc nhở. “Tôi nói có thể là bởi chúng ta cũng không tìm được gì ở đó cả. Đáng nhẽ phải có mới đúng. Vệt máu trên thân cây, mẩu thịt vướng trên cành hoặc một mảnh vải. Nhưng ta lại tìm thấy dấu chân của hắn ở nơi dòng suối chảy qua bên dưới con đường. Trên lớp tuyết bên đường cũng in vết hằn có thể do cái xác để lại. Nhưng chết tiệt, lũ chó không lần ra được manh mối. Ngay cả con chó tìm xác cũng bó tay. Thật…”

“Lạ lùng,” Harry lặp lại và xoa cằm. “Chẳng phải việc chặt đầu nạn nhân trong lúc đứng dưới suối xem chừng hơi phi lý sao? Nó chỉ là một cái rãnh hẹp, còn chẳng đủ chỗ mà xoay xở. Vậy thì vì lý do gì mới được?”

“Quá rõ ràng,” Skarre trả lời. “Dòng nước cuốn trôi hết chứng cứ chứ sao.”

“Đâu rõ ràng vậy,” Harry đáp. “Hắn để lại cái đầu của nạn nhân, chứng tỏ hắn không lo chuyện dấu tích còn sót lại. Tại sao không có dấu vết của cô ta từ dòng suối đến con đường…”

“Túi đựng xác!” Katrine nói. “Tôi cũng đang thắc mắc làm thế nào hắn mang được cô ta đi xa thế trên địa hình như vậy. Ở Iraq họ dùng túi đựng xác có quai như ba lô.”

“Ừm,” Harry nói. “Điều đó có thể giải thích cho việc vì sao chó tìm xác lại không đánh hơi thấy gì trên đường.”

“Và vì sao hắn dám liều lĩnh để cô ta nằm đó,” Katrine nói.

“Nằm đó?” Skarre thắc mắc.

“Vết tích thi thể hằn trên tuyết. Hắn đặt cô ta nằm đó trong lúc đi lấy xe. Có thể hắn đỗ xe ở gần nông trại nhà Ottersen. Việc này chắc mất chừng nửa tiếng, mọi người thấy có phải không?”

Skarre miễn cưỡng lầm bầm câu Đại loại thế.

“Túi đựng xác có màu đen, ai lái xe đi ngang qua nhìn thấy dễ tưởng là túi rác thông thường.”

“Làm gì có ma nào đi ngang qua,” Skarre càu nhàu, cố ghìm một cái ngáp. “Bọn tôi đã hỏi tất cả những người sống trong khu rừng chết tiệt đó rồi.”

Harry gật đầu. “Thế còn lời khai của Rolf Ottersen về việc anh ta ở lại cửa hàng trong khoảng từ năm đến bảy giờ?”

“Nếu không có khách thì chứng cứ ngoại phạm chả có giá trị quái gì,” Skarre đáp.

“Anh ta có thể lái xe về rồi quay lại cửa hàng trong lúc hai con đang học violin,” Katrine nói.

“Nhưng anh ta không phải kiểu người đó,” Skarre nói, ngả người ra sau và gật gù như thể xác nhận kết luận mình đưa ra.

Harry rất muốn nhận xét một câu khái quát về việc cảnh sát rất hay có kiểu tự huyễn hoặc rằng mình chỉ cần nhìn qua cũng biết ai là kẻ giết người, tuy nhiên giờ cuộc điều tra đang ở giai đoạn cho phép các thành viên tự do phát biểu ý kiến mà không sợ bị phản đối. Kinh nghiệm của anh cho thấy, ý tưởng xuất sắc nhất thường nảy sinh từ suy nghĩ vẩn vơ, những phỏng đoán và nhận định bồng bột nhất thời.

Cửa phòng bỗng bật mở.

“Hế lô!” Bjørn Holm cao giọng ngân nga. “Xin lỗi cả nhà, tôi vừa phải đi tìm tung tích vũ khí gây án.”

Anh ta cởi chiếc áo khoác chống nước và mắc lên cây treo quần áo đang nghiêng ngả như sắp đổ đến nơi. Bên trong anh ta mặc áo hồng có họa tiết thêu màu vàng và dòng chữ trên lưng tuyên bố rằng Hank Williams vẫn còn sống nhăn, bất chấp giấy chứng tử cho thấy ông ta qua đời vào mùa đông năm 1953. Sau đó anh ta ngồi phịch xuống chiếc ghế duy nhất còn trống và ngó những gương mặt đang ngước lên nhìn mình.

“Sao thế?” Anh ta mỉm cười và Harry chờ Holm tung ra câu đùa thần thánh ưa thích. Quả nhiên anh không phải đợi lâu. “Có ai chết à?”

“Vũ khí gây án,” Harry giục. “Ngay và luôn.”

Holm toét miệng cười và xoa hai tay vào nhau. “Tôi đương nhiên cũng thắc mắc những vết bỏng trên cổ Sylvia Ottersen từ đâu mà ra. Chuyên gia pháp y cũng bó tay. Cô ấy chỉ nói rằng những động mạch nhỏ đã bị đốt cháy, tương tự cách cầm máu khi cắt bỏ bộ phận nào đó trên cơ thể. Trước khi cưa chân. Và lúc cô ấy nhắc đến cưa, tôi chợt nghĩ ra một chuyện. Mọi người biết đây, tôi lớn lên ở một trang trại…”

Bjørn Holm nhoài người tới trước, hai mắt sáng rực, khiến Harry liên tưởng đến cảnh người cha chuẩn bị mở hộp quà Giáng sinh là đoàn tàu hỏa cỡ lớn dành tặng cậu con trai mới chào đời.

“Có trường hợp bò đẻ nhưng bê con đã chết từ trong bụng mẹ, đôi khi cái xác quá lớn nên bò mẹ không tự đẩy ra được. Và hơn nữa, nếu bào thai lại nằm ở vị trí oái oăm thì không thể lôi ra mà không làm bò mẹ bị thương. Trong tình huống đó, bác sĩ thú y đành phải dùng đến cưa.”

Skarre nhăn mặt.

“Đó là một dạng lưỡi dao rất mảnh và linh hoạt, có thể đưa vào trong bụng bò mẹ, gần như kiểu thòng lọng quấn quanh bê con vậy. Sau đó bác sĩ sẽ kéo và đưa lưỡi dao qua lại để cắt cái xác.” Holm làm động tác tay để minh họa lời nói. “Cho tới khi được hai phần, có thể lấy từng phần ra. Và như vậy, thông thường vấn đề được giải quyết. Thông thường là thế. Nhưng đôi khi lưỡi dao dịch chuyển qua lại cũng cắt luôn vào con mẹ, khiến nó mất máu mà chết. Vì vậy, vài năm trước, mấy nông dân Pháp đã phát minh ra thứ công cụ hữu ích có thể khắc phục được vấn đề đó. Một vòng dây điện dạng thòng lọng có thể đốt xuyên qua thịt. Nó gồm một tay cầm bằng nhựa với sợi dây kim loại cực mảnh và siêu bền được gắn vào hai đầu tay cầm, tạo thành vòng dây có thể tròng vào bất cứ thứ gì cần cắt. Sau đó bật chức năng phát nhiệt. Sợi dây nóng rực sáng trắng lên sau mười lăm giây, khi nhân nút trên tay cầm, vòng dây bắt đầu siết lại và cắt xuyên qua cái xác. Như thế sẽ không cần đưa qua đưa lại sang hai bên, hạn chế được nguy cơ cắt trúng con mẹ. Mà dù cắt phải đi nữa thì vẫn còn hai ưu điểm…”

“Ông đang rao bán cái thứ đấy cho bọn tôi đây à?” Skarre nhe răng cười và nhìn vào mắt Harry để thăm, dò phản ứng.

“Nhờ nhiệt độ cao nên sợi dây vô trùng tuyệt đối,” Holm nói tiếp. “Nó không làm lan truyền vi khuẩn hoặc máu nhiễm độc từ xác con con. Hơn nữa, nhiệt cũng đốt cháy các động mạch nhỏ, hạn chế hiện tượng chảy máu.”

“Được rồi,” Harry nói. “Cậu có chắc chắn hung thủ sử dụng công cụ giống như thế không?”

“Không,” Holm đáp. “Nếu có một cái thì tôi đã dùng thử, nhưng tay bác sĩ thú y nói chuyện với tôi bảo rằng loại thòng lọng điện này chưa được Bộ Nông nghiệp Na Uy cấp phép lưu hành.” Anh ta nhìn Harry với vẻ vô cùng tiếc nuối.

“Ừm,” Harry nói, “cho dù không phải vũ khí gây án thì ít nhất nó cũng giúp ta hiểu làm thế nào hung thủ có thể chặt đầu nạn nhân trong khi đứng dưới suối. Những người còn lại nghĩ sao?”

“Bọn Pháp,” Katrine Bratt nói. “Trước là máy chém, sau lại đến thứ này.”

Skarre dẩu môi và lắc đầu. “Nghe có vẻ quái dị quá. Mà này, hắn kiếm được cái vòng như thế ở đâu nhỉ? Ý tôi là nếu nó chưa được cấp phép ấy?”

“Ta có thể bắt đầu tìm hiểu từ đây,” Harry nói. “Cậu kiểm tra nhé, Skarre?”

“Tôi đã bảo không tin mấy chuyện đó rồi mà.”

“Xin lỗi, tôi nói chưa rõ. Đúng ra là: Kiểm tra đi, Skarre. Còn gì nữa không, Holm?”

“Hết rồi. Lẽ ra ở hiện trường phải có rất nhiều máu, nhưng dấu máu duy nhất chúng ta tìm được là ở trong nhà kho sau khi mấy con gà bị làm thịt. Nhân tiện nhắc đến gà, nhiệt độ cơ thể chúng và nhiệt độ trong nhà kho cho thấy chúng bị giết vào khoảng sáu rưỡi tối. Nhưng không chắc lắm, vì một con có thân nhiệt cao hơn hai con kia.”

“Chắc cu cậu sợ phát sốt.” Skarre cười hề hề.

“Thế còn người tuyết?” Harry hỏi.

“Không thể lấy dấu vân tay trên khối tinh thể băng biến đổi từng giờ, may ra thì tìm được những mẩu da, vì các tinh thể vốn sắc cạnh. Có thể là sợi vải từ găng tay nếu hắn mang găng. Nhưng chúng tôi cũng không thu được gì cả.”

“Găng tay cao su,” Katrine nói.

“Ngoài điều đó ra thì không còn gì nữa,” Holm nói.

“Được rồi. ít nhất ta cũng có cái đầu. Cậu đã kiểm tra răng…”

Câu hỏi của Harry bị cắt ngang khi Holm ngồi thẳng dậy với vẻ tự ái. “Để tìm dấu vết để lại trên răng? Tóc? Dấu vân tay trên cổ? Những chi tiết khác mà các chuyên gia pháp y chưa nghĩ tới hả?”

Harry gật đầu tỏ ý xin lỗi và nhìn đồng hồ. “Skarre, dù cậu cho rằng Rolf Ottersen không phải kiểu người đó, cứ kiểm tra xem anh ta ở đâu, làm gì vào thời gian Birte Becker mất tích. Tôi sẽ nói chuyện với Filip Becker. Katrine, cô đọc hồ sơ những vụ mất tích, gồm cả hai vụ này, tìm điểm chung giữa chúng.”

“Vâng,” cô nói.

“So sánh tất cả các yếu tố,” Harry nói. “Thời điểm tử vong, chu kỳ mặt trăng, chương trình ti vi đang phát, màu tóc của nạn nhân, họ có mượn cùng một cuốn sách thư viện hoặc cùng tham dự buổi hội thảo nào không, tổng các chữ số trong số điện thoại. Chúng ta phải tìm xem hung thủ lựa chọn nạn nhân dựa trên tiêu chí nào.”

“Khoan đã,” Skarre nói. “Chúng ta đã xác định giữa các vụ có mối liên quan rồi à? Chẳng phải ta nên để ngỏ tất cả khả năng sao?”

“Thích để ngỏ thế nào kệ xác cậu,” Harry đáp, đứng dậy và kiểm tra túi để chắc chắn đã cầm chìa khóa xe. “Miễn là sếp bảo sao thì cứ làm vậy. Ai về sau cùng thì tắt đèn.”

Đang đứng đợi thang máy thì Harry nghe thấy có người đến gần. Tiếng chân dừng lại ngay sau lưng anh.

“Tôi đã nói chuyện với một trong hai cô bé sinh đôi vào giờ ra chơi sáng nay.”

“Thế à?” Harry quay sang nhìn Katrine Bratt.

“Tôi hỏi gia đình họ làm gì hôm thứ Ba.”

“Thứ Ba?”

“Ngày Birte Becker mất tích.”

“Đúng vậy.”

“Ba mẹ con họ vào thành phố. Cô bé nhớ rõ vì họ đến Bảo tàng Kon-Tiki tìm mua đồ chơi sau khi đi khám bác sĩ. Hai đứa trẻ qua đêm tại nhà người dì còn bà mẹ đến thăm một cô bạn. Ông bố ở nhà trông nhà. Một mình.”

Cô đứng gần đến nỗi Harry ngửi thấy cả mùi nước hoa cô dùng. Thứ mùi đó không giống với bất cứ mùi nước hoa phụ nữ nào anh biết. Rất hắc, không ngọt chút nào.

“Ừm. Đứa trẻ nói chuyện với cô tên là gì?”

Katrine Bratt nhìn anh chăm chăm. “Không biết. Có quan trọng không?”

Một tiếng pinh vang lên báo hiệu thang máy đã đến tầng hai người đang đợi.

Jonas cặm cụi vẽ người tuyết. Ý định vẽ người tuyết cười và đang hát, để có một người tuyết vui vẻ. Nhưng Jonas không sao thể hiện được đúng ý mình; người tuyết cứ trân trân nhìn nó bằng ánh mắt vô cảm trên tờ giấy trắng to đùng. Giảng đường rộng lớn quanh nó lặng thinh, chỉ có tiếng phấn kin kít của bố, thỉnh thoảng có tiếng đập tay lên tấm bảng trước mặt và tiếng bút sột soạt ghi bài của đám sinh viên. Jonas không thích bút bi. Những gì viết bằng bút bi sẽ chẳng thể xóa đi, không thay đổi được, hình vẽ ra sẽ mãi mãi nằm đó. Sáng nay, lúc tỉnh giấc nó đã nghĩ rằng mẹ đã về, mọi chuyện lại tốt đẹp như trước, và nó chạy ào vào phòng mẹ. Nhưng trong phòng chỉ có bố nó đang thay đồ, bố bảo nó cũng chuẩn bị đi, vì hôm nay nó sẽ đến trường cùng bố. Bút bi.

Giảng đường thoai thoải dốc xuống chỗ bố nó đang đứng, giống như khán đài trong nhà hát vậy. Bố nó không nói lời nào với học trò, ngay cả khi hai bố con bước vào giảng đường. Ông gật đầu chào họ, chỉ chỗ bảo Jonas đến ngồi, sau đó đi thẳng tới bên chiếc bảng và bắt đầu viết. Đám sinh viên rõ ràng đã quen với điều đó, vì họ đã chuẩn bị sẵn sách vở và lập tức ghi bài. Trên bảng chi chít số và những con chữ nhỏ, cùng với vài hình vẽ nguệch ngoạc lạ lùng mà Jonas không nhận ra. Có lần bố đã nói với nó rằng vật lý cũng có ngôn ngữ riêng, và bố dùng ngôn ngữ ấy để kể chuyện. Khi Jonas hỏi có phải là chuyện về những cuộc phiêu lưu không, bố cười và bảo vật lý chỉ dùng để giải thích những điều chân thực thôi, đó là thứ ngôn ngữ mà dù muốn cũng không thể nói dối.

Có mấy hình vẽ trông thật ngộ nghĩnh. Và rất tinh tế.

Bụi phấn lả tả rơi xuống đôi vai bố. Một lớp bụi trắng li ti tựa tuyết phủ lên chiếc áo khoác ông đang mặc. Jonas nhìn tấm lưng bố và cố gắng vẽ ông. Nhưng lần này cũng không ra hình người tuyết vui vẻ. Đột nhiên, giảng đường im phăng phắc. Bao nhiêu cây bút đều ngừng viết. Bởi lẽ viên phấn đã ngừng di. Nó đứng yên ở mép bảng, cao đến nỗi bố phải vươn tay lên mới với tới. Giờ đây, trông như thể viên phấn bị kẹt còn bố đang bám víu lấy tấm bảng, chẳng khác gì lúc chó sói Wile E. treo lơ lửng trên cành cây bé xíu nhô ra trên vách núi cao chót vót. Thế rồi hai vai bố bắt đầu run rẩy, Jonas tưởng ông đang cố lấy viên phấn ra để bắt nó tiếp tục di chuyển, nhưng không được. Một làn sóng bất chợt lan khắp giảng đường như thể đám sinh viên đồng loạt há miệng và hít vào một hơi. Rốt cuộc bố nó cũng gỡ được viên phấn, sau đó ông đi thẳng ra cửa mà chẳng buồn ngoái lại và biến mất. Bố đi lấy thêm phấn ấy mà, Jonas nghĩ thầm. Tiếng rì rầm nói chuyện của đám sinh viên mỗi lúc một lớn. Jonas nghe được mấy từ vợ và mất tích. Nó nhìn tấm bảng gần như kín chữ. Bố nó muốn viết rằng mẹ đã chết, nhưng viên phấn chỉ có thể nói lên sự thật, vì thế nó mới bị kẹt. Jonas cố xóa hình người tuyết. Xung quanh nó, các sinh viên đang thu dọn đồ đạc, ghế xô vào nhau khi họ đứng dậy ra về.

Một bóng đen bỗng phủ lên người tuyết bất thành hình trên trang giấy, và Jonas ngẩng lên.